

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông thực hiện công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018, cụ thể như sau:

I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 là 1.230.576 triệu đồng, đạt 67% dự toán Trung ương, 62% dự toán địa phương và tăng 41% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa là 1.133.164 triệu đồng, đạt 66% dự toán Trung ương, 61% dự toán địa phương, tăng 40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số khoản thu tăng cao so với cùng kỳ năm trước, vượt tiến độ thực hiện so với dự toán giao đầu năm, cụ thể như: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 268.812 triệu đồng, đạt 64% dự toán Trung ương, 50% dự toán địa phương, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 53.268 triệu đồng, đạt 761% dự toán Trung ương, 561% dự toán địa phương, tăng 3.772% so với cùng kỳ năm trước; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 246.995 triệu đồng, đạt 52% dự toán Trung ương, 55% dự toán địa phương, tăng 32% so với cùng kỳ năm trước; Thu phí, lệ phí 77.591 triệu đồng, đạt 78% dự toán Trung ương, 76% dự toán địa phương, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước; Thu tiền sử dụng đất 177.460 triệu đồng, đạt 118% dự toán Trung ương, 89% dự toán địa phương, tăng 130% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cấp tỉnh thu 47.130 triệu đồng, đạt 67% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, tăng 174% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu xuất nhập khẩu 93.346 triệu đồng, đạt 80% so với dự toán giao, tăng 87% so với số thực hiện cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 4.066 triệu đồng, đạt 44% dự toán, bằng 49% so với số thực hiện cùng kỳ năm trước.

* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2018 tương đối khả quan. Ba sắc thuế chính chiếm phần lớn nguồn thu ngân sách của địa phương là thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên đều đạt trên 52% dự toán. Số thu ngân sách từ các thủy điện trên địa bàn tăng mạnh, điển hình như Đắk R’Ti, Tam Long, Bình Minh,...; Tình hình hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp lớn như Công ty Điện lực, Chi nhánh Viettel, Công ty kỹ nghệ gỗ - MDF BISON gặp thuận lợi, dẫn đến số thuế nộp NSNN tăng cao... Riêng thu Xổ số kiến thiết năm 2018 không đạt dự toán chủ yếu là do vé số của công ty xổ số Đắk Nông đang bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi xổ số Vietlott và vé số truyền thống của một số tỉnh khác, dẫn đến danh thu sụt giảm.

II. Chi ngân sách địa phương (NSDP)

Tổng chi NSDP thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 là 2.700.031 triệu đồng, đạt 42% dự toán, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 61/CK-NSNN*), Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển 318.801 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên 1.886.328 triệu đồng. Chi tiết một số lĩnh vực chi cơ bản như sau: Chi giáo dục – đào tạo và dạy nghề là 744.763 triệu đồng, đạt 44% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước; Chi khoa học và công nghệ là 12.366 triệu đồng, đạt 97% dự toán (nếu loại trừ các khoản chi từ nguồn năm trước chuyển sang thì thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 đạt 60% dự toán), bằng 75% so với cùng kỳ năm trước; Chi bảo vệ môi trường là 18.386 triệu đồng, đạt 49% dự toán, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương là 493.902 triệu đồng.

* Nhìn chung, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018 được kiểm soát chặt chẽ, triệt để tiết kiệm; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh – quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh đó một số lĩnh vực có tỷ lệ giải ngân còn thấp so với dự toán được giao.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018 của Tỉnh Đắk Nông./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;
- Đài phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH (TT).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bón

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 356 /BC-UBND ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.336.848	3.367.265	53	126
I	Thu cân đối NSNN	1.515.500	1.226.510	81	142
1	Thu nội địa	1.515.500	1.133.164	75	140
2	Thu từ đầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu		93.346		187
4	Thu viện trợ				
II	Thu huy động đóng góp	-	4.066		49
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	10.000		-	
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.811.348	2.136.689	44	118
B	TỔNG CHI NSDP	6.459.317	2.700.031	42	112
I	Chi cân đối NSDP	4.707.684	2.206.129	47	117
1	Chi đầu tư phát triển	637.377	318.801	50	122
2	Chi thường xuyên	3.888.127	1.886.328	49	117
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	400		-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	
5	Dự phòng ngân sách	94.776	-	-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	86.004		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.751.633	493.902	28	91
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	91.312		-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	91.312		-	



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số **356**/BC-UBND ngày **12** /7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018 TW GIAO	DỰ TOÁN NĂM 2018 ĐP GIAO	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)		
					DỰ TOÁN TW	DỰ TOÁN ĐP	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4	5	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.835.000	2.000.000	1.230.576	67	62	141
I	Thu nội địa	1.719.000	1.874.694	1.133.164	66	60	140
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	420.000	535.000	268.812	64	50	120
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	35.000	35.000	17.677	51	51	
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	7.000	9.500	53.268	761	561	3.827
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	476.000	448.300	246.995	52	55	132
5	Thuế thu nhập cá nhân	135.000	128.000	73.244	54	57	113
6	Thuế bảo vệ môi trường	105.000	112.000	51.995	50	46	115
7	Lệ phí trước bạ	130.000	110.900	56.389	43	51	120
8	Các loại phí, lệ phí	100.000	102.500	77.591	78	76	131
9	Các khoản thu về nhà, đất	168.000	218.000	187.104	111	86	201
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			44			2.200
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			131			130
-	Tiền sử dụng đất	150.000	200.000	177.460	118	89	230
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	18.000	18.000	8.978	50	50	57
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN			491			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	32.000	70.300	50.465	158	72	99
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	-	-	5.817			
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	19.000	19.000	8.382	44	44	102
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	2.000	2.000		-	-	
14	Thu khác ngân sách	90.000	84.194	35.425	39	42	111
II	Thu từ dân tộc						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	116.000	116.000	93.346	80	80	187
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	50.000	50.000	31.013	62	62	129
2	Thuế xuất khẩu	65.000	65.000	62.041	95	95	239
3	Thuế nhập khẩu	1.000	1.000	251	25	25	418
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác			41			5.125
IV	Thu viện trợ						
V	Thu huy động đóng góp		9.306	4.066		44	49
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.515.500	1.719.974	1.069.731	71	62	124
1	Từ các khoản thu phân chia	791.300	775.830	501.156	63	65	105
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	724.200	944.144	568.575	79	60	149

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số **356** /BC-UBND ngày **12/7/2018** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI NSDP	6.459.317	2.700.031	42	112
A	CHI CÁN ĐỐI NSDP	4.707.684	2.206.129	47	117
I	Chi đầu tư phát triển	637.377	318.801	50	122
1	Chi đầu tư cho các dự án		318.801		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác		-		
II	Chi thường xuyên	3.888.127	1.886.328	49	117
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.696.150	744.763	44	108
2	Chi khoa học và công nghệ	12.710	12.366	97	75
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		221.922		184
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		27.848		121
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		15.581		100
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		4.724		87
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	37.775	18.386	49	107
8	Chi sự nghiệp kinh tế		125.240		100
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		416.259		98
10	Chi bảo đảm xã hội		52.302		45
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	400		-	
IV	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	86.004		-	
V	Chi hỗ trợ quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	100
VI	Dự phòng ngân sách	94.776		-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.751.633	493.902	28	91
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	117.548	17.794	15	93
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.411.136	438.870	31	99
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	222.949	37.238	17	47

